

Bản án số: 113/2024/DS-PT
Ngày 09 tháng 9 năm 2024
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Sơn và ông Vũ Văn Mạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Mai - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vinh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc tham gia phiên toà:
Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vinh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc Tranh chấp về thừa kế tài sản. Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2023/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Yên Lạc bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Minh Đ1, sinh năm 1949; trú tại: Khu 6, thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vinh Phúc;

Người đại diện hợp pháp của ông Dương Minh Đ1: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1968; trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Vinh Phúc – Là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/6/2023) (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1962 (có mặt);

Ông Dương Việt D1, sinh năm 1967 (có mặt);

Đều trú tại: Khu 6, thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vinh Phúc;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Dương Thị T1, sinh năm 1965; Không xác định được địa chỉ cụ thể;

- Bà Dương Thị T2, sinh năm 1955; trú tại: Khu 1, thôn T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vinh Phúc (vắng mặt);

- Ông Dương Văn D2, sinh năm 1952; trú tại: Khu 5, thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vinh Phúc;

- Ông Dương Văn H1, sinh năm 1959; trú tại: Khu 1, thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vinh Phúc;

Người đại diện hợp pháp của ông D2 và ông H1: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1968; trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc - Là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/6/2023) (có mặt);

- Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1971; trú tại: Khu 6, thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Dương Minh Đ1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn D2, ông Dương Văn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Dương Minh Đ1 và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Cụ Dương Văn Đ2 và cụ Phùng Thị T3 sinh được 07 người con là ông Dương Minh Đ1, ông Dương Văn T1, ông Dương Việt D1, bà Dương Thị T1, ông Dương Văn D2, bà Dương Thị T2 và ông Dương Văn H1. Hai cụ không có con nuôi, hay con riêng nào khác. Quá trình chung sống, hai cụ có tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 372, tờ bản đồ số 2, diện tích 464m², trong đó 200m² đất thổ cư và 264m² đất vườn. Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguồn gốc thửa đất là do ông cha để lại. Thửa đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 487162 do UBND huyện Vĩnh Lạc (nay là huyện Yên Lạc), tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 02 tháng 01 năm 1991 đứng tên chủ sử dụng ông Dương Văn Đ2. Năm 1980 cụ T3 chết, năm 1992 cụ Đ2 chết, khi chết hai cụ không có di chúc.

Từ khi cụ T3 và cụ Đ2 mất, các anh chị em vẫn sống hòa thuận và vẫn thờ tự các cụ trên thửa đất này. Năm 2019, 05 anh em trai có họp gia đình để chia tài sản là thửa đất trên cho 05 anh em. Bà Dương Thị T2 có ý kiến không nhận di sản của ông bà mà chia cho 05 người con trai của hai cụ, còn bà T1 vắng mặt. Sau khi thống nhất, ông Dương Minh Đ1 đi làm thủ tục tách đất thì ông T1, ông D1 không đồng ý với lý do bản thân gia đình hai ông đã sinh sống trên đất đã lâu, đã đóng thuế sử dụng đất và xây dựng nhà cấp bốn trên thửa đất nên ông T1, ông D1 không đồng ý chia đất như 05 anh em đã họp.

Do vậy, Ông Đ1 yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc chia thừa kế tài sản của cụ Dương Văn Đ2 và cụ Phùng Thị T3 để lại là quyền sử dụng thửa đất số 372 tờ bản đồ 02, diện tích đo đạc thực tế là 457,6m², trong đó 200m² đất thổ cư và 257,6m² theo quy định của pháp luật. Phần di sản ông Dương Minh Đ1, ông Dương Văn D2 và ông Dương Văn H1 được hưởng, các ông đều xin nhận bằng hiện vật là đất và cùng đứng tên trên thửa đất mà các ông được hưởng. Do bà T1 hiện đang ở Trung Quốc, không biết khi nào về nên đối với kỹ phần thừa kế của bà T1 ông đề nghị chưa chia mà để ở giữa để hai bên cùng quản lý, sử dụng. Khi nào bà T1 về sẽ giao lại cho bà T1, trường hợp bà T1 chết hoặc sau 30 năm không có trở về thì chia đều cho các anh chị em.

Bị đơn ông Dương Việt D1 trình bày: Ông xác định bố mẹ ông là cụ Đ2 và cụ T3 có sinh được 7 người con và có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 372 tờ bản đồ 02, diện tích 464m² trong đó có 200 m² đất thổ cư và 264 m² đất vườn. Trước khi chết, cụ Đ2 có gọi các con gồm có ông, ông T1, Ông Đ1 và ông D2 (ông H1 không có mặt do khi đó đang có mâu thuẫn với bố ông)

nói là để lại thửa đất này cho ông và ông T1, tuy nhiên việc này cũng không lập văn bản và không có ai làm chứng cả. Năm 1995, ông T1 gọi vợ chồng Ông Đ1 và vợ chồng ông D2 đến nhà và xin cho đất để ông T1 làm nhà thì đều được anh em đồng ý. Ông Đ1 và ông S1 (là chú ruột) đã đứng ra chia đất cho ông và ông T1 làm 02 phần, diện tích cụ thể ông cũng không rõ vì là anh em trong gia đình. Đến năm 1996 khi ông làm nhà thì ông cũng xin phép các anh chị em và được mọi người đồng ý để cho ông đất và xây nhà. Từ trước đến nay, ông và ông T1 là người đóng thuế cho địa phương.

Từ khi bố mẹ ông mất, gia đình vẫn sống hòa thuận, ông và ông T1 vẫn ở ổn định và đóng thuế cho nhà nước. Năm 2020 thì ông Đ1, ông D2 và ông H1 quay ra yêu cầu ông và ông T1 phải chia đất cho các ông. Tuy nhiên hai ông không đồng ý với cách chia của ông Đ1 nên ông Đ1 khởi kiện chia thừa kế. Ông đồng ý chia làm 7 phần, ông Đ1, ông H1, ông D2 phải thanh toán cho ông tiền công sức số tiền 100.000.000 đồng để ông có khả năng xây nhà ở. Trường hợp các ông không đồng ý thanh toán, ông đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Đ2 và cụ T3 là quyền sử dụng thửa đất số 372 tờ bản đồ 02 diện tích đo đạc thực tế là 457,6m², trong đó 200m² đất thổ cư và 257,6m² theo quy định của pháp luật và đề nghị xem xét đến công sức của ông và ông T1 trong việc duy trì khối tài sản này và giải quyết để cho ông có nhà ở. Hiện tại, ông đang sử dụng diện tích đất 239,4m² và đã xây dựng các công trình nhà ở kiên cố gồm: nhà cấp IV, bếp, nhà vệ sinh, sân và kho.

Bị đơn ông Dương Văn T1 trình bày: Ông hoàn toàn nhất trí với ý kiến của ông D1, ông không có ý kiến gì khác. Đề nghị Tòa án chia di sản của cụ Đ2 và cụ T3 theo quy định của pháp luật. Ông đồng ý chia làm 7 phần và ông Đ1, ông H1, ông D2 phải thanh toán cho ông tiền công sức số tiền 200.000.000 đồng để ông có khả năng xây nhà ở. Trường hợp các ông không đồng ý thanh toán, ông đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Đ2 và cụ T3 là quyền sử dụng thửa đất số 372 tờ bản đồ 02 diện tích đo đạc thực tế là 457,6m², trong đó 200m² đất thổ cư và 257,6m² theo quy định của pháp luật và đề nghị xem xét đến công sức của ông và ông D1 trong việc duy trì khối tài sản này và giải quyết để cho ông có nhà ở. Nếu ông được giữ lại nhà để ở thì ông đồng ý tháo dỡ các công trình để trả lại diện tích đất cho các hàng thừa kế, ông không có yêu cầu gì. Hiện tại, ông đang sử dụng diện tích đất 218,2m² và đã xây dựng các công trình nhà ở kiên cố gồm: nhà cấp IV, bếp, nhà vệ sinh, phòng ngủ và có lợp khung sắt mái tôn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Dương Thị T2 trình bày: Bà hoàn toàn đồng ý với ý kiến trình bày của ông D1. Do bà là con gái đã đi lấy chồng nên phần của bà được hưởng bà đồng ý để lại cho ông Dương Việt D1, bà không có yêu cầu ông D1 phải thanh toán giá trị tương ứng.

Bà Phạm Thị H2 trình bày: Bà là vợ của ông Dương Văn T1, bà về chung sống cùng ông T1 từ năm 1995, khi đó bà cũng tham gia cải tạo lại thửa đất cùng ông T1 như đổ đất và làm một số công trình. Tuy nhiên, bà không có

yêu cầu gì khác với yêu cầu của ông T1. Bà đồng ý với ý kiến của ông T1, công sức của bà cũng là công sức của ông T1.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự số 36/2023/DS-ST ngày 19/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc quyết định:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 85, 86, 144, 147, 201, 217, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357, 468, 609, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Án lệ số 06/2016/AL ngày 06/4/2016; Điều 12, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế của ông Dương Minh Đ1;

2. Chia thừa kế đối với diện tích đất 457,6m² trong đó 200m² đất thổ cư và 257,6m² đất vườn, thửa đất số 372, tờ bản đồ số 02; địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể như sau:

- Các ông Dương Minh Đ1, Dương Văn D2, ông Dương Văn H1 được quyền sử dụng diện tích đất 96m² (75m² đất ở; 21,0m² đất vườn) có các chiều cạnh cụ thể như sau: Phía Đông giáp đường ngõ xóm kích thước 3,18m; 1,41m; Phía Tây giáp đất ao và nhà ông Công kích thước 4,61m; Phía Nam giáp đất nhà bà Tư Hương kích thước 20,66m; Phía Bắc giáp phần đất giao cho ông Dương Văn T1 kích thước 22,60m;

Ông Dương Văn T1 và bà Dương Thị T1 được quyền sử dụng diện tích đất 122,2m² (62,5m² đất ở; 59,7m² đất vườn) có các chiều cạnh cụ thể như sau: Phía Đông giáp đường ngõ xóm kích thước 3,31m; 2,53m; Phía Tây giáp đất ao và nhà ông Công kích thước 1,96m; 2,57m; Phía Nam giáp phần đất giao cho Ông Đ1, ông D2 và ông H1 kích thước 22,60m; Phía Bắc giáp phần đất giao cho ông Dương Việt D1 kích thước 7,08m; 3,89m; 1,34m; 11,34m;

Tạm giao phần diện tích đất 57,2m² của bà Dương Thị T1 cho ông Dương Văn T1 quản lý, sử dụng.

- Ông Dương Việt D1 được quyền sử dụng diện tích đất 239,4m² (62,5m² đất ở; 176,9m² đất vườn) có các chiều cạnh cụ thể như sau: Phía Đông giáp phần đất giao cho ông T1 bà T1 kích thước 7,08m; 3,89m; 1,34m; 11,34m; Phía Tây giáp nhà ông Huân kích thước 16,40m; 4,61m; Phía Nam giáp nhà ông Công kích thước 7,17m; 2,31m; 2,44m; Phía Bắc giáp đường ngõ kích thước 6,80m; 3,69m

(Có sơ đồ kèm theo, do Công ty Cổ phần khảo sát đo đạc và xây dựng Kim Hoa cung cấp)

- Ông Dương Văn T1 tự nguyện tháo dỡ các công trình xây dựng trên diện tích đất 96m² chia cho ông Đ1, ông H1, ông D2. Trường hợp không tự nguyện tháo dỡ sẽ bị cưỡng chế theo quy định và phải chịu toàn bộ chi phí cho việc cưỡng chế;

- Ông Dương Việt D1 có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch cho các ông Dương Minh Đ1, Dương Văn D2 và Dương Văn H1 mỗi người 126.000.000 đồng. Thanh toán cho ông Dương Văn T1 số tiền 104.000.000 đồng.

Bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/01/2024, nguyên đơn ông Dương Minh Đ1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn D2, ông Dương Văn H1 kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc sửa bản án dân sự sơ thẩm số 36/2023/DS-ST ngày 19/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo hướng: Chia di sản thừa kế của cụ Dương Văn Đ2 và cụ Phùng Thị T3 là thửa đất số 372 tờ bản đồ số 02 làm 07 phần và chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế, các ông không đồng ý nhận di sản bằng tiền.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên tòa đến trước khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, quyết định sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự, tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có ủy quyền, đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Dương Minh Đ1 khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Dương Văn Đ2 và cụ Phùng Thị Ty. Vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp về thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Dương Văn T1 và ông Dương Việt D1 có địa chỉ tại Khu 6, thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc. Sau khi xét xử, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo nên thẩm quyền giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Dương Văn Đ2 và cụ Phùng Thị T3 là thửa đất số 372 tờ bản đồ số 02 làm 07 phần và chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận và cùng với việc xác minh tại địa phương thì vợ chồng cụ Dương Văn Đ2 (chết năm 1992), cụ Phùng Thị T3 (chết năm 1980), hai cụ sinh được 07 người con là ông Dương Minh Đ1, ông Dương Văn T1, ông Dương Việt D1, bà Dương Thị T1 (không rõ địa chỉ cụ thể), ông Dương Văn D2, bà Dương Thị T2 và ông Dương Văn H1, các cụ không có người con nuôi nào. Khi còn sống hai cụ tạo dựng được khối tài sản là thửa đất số 372 tờ bản đồ 02 được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lạc (cũ) nay là huyện Yên Lạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/01/1991 đứng tên cụ Dương Văn Đ2. Khi chết cụ Đ2 và cụ T3 không để lại di chúc, vì vậy cấp sơ thẩm tiến hành chia di sản thừa kế của các cụ theo pháp luật và 07 người con của vợ chồng cụ Đ2 và cụ T3 được hưởng thừa kế của hai cụ là đúng quy định.

Cụ Đ2 chết năm 1992, cụ T3 chết năm 1980, khi chết các cụ không để lại di chúc, ngày 29/12/2021 ông Dương Minh Đ1 có đơn khởi kiện chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của thửa số 372 tờ bản đồ số 02. Qua xác minh và việc các đương sự đều thừa nhận thửa đất số 372 tờ bản đồ 02 có nguồn gốc của ông cha để lại cho vợ chồng cụ Đ2 và cụ T3 nên xác định đây là tài sản chung cụ Đ2 và cụ T3. Theo quy định tại Điều 36 của pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh thừa kế thì thời hiệu khởi kiện đối với trường hợp khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản tính từ ngày 10/9/1990. Theo Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Như vậy, thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đ2 vẫn còn, thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ T3 đã hết, khi thời hiệu chia thừa kế đã hết thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó. Tuy nhiên, trong vụ án này ông Dương Văn T1 và ông Dương Việt D1 là người thừa kế đang quản lý di sản thừa kế và những đồng thừa kế khác cũng xác định và đồng ý chia di sản thừa kế của cụ Đ2 và cụ T3 cho các hàng thừa kế. Cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 372 tờ bản đồ số 02 là di sản thừa kế của một mình cụ Dương Văn Đ2 để lại là không đúng mà phải xác định là di sản của vợ chồng cụ Đ2 và cụ T3 để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều thống nhất chia thửa đất số 372 tờ bản đồ 02 diện tích đo đạc thực tế 457,6m² như cách chia của cấp sơ thẩm và đề nghị chia bằng hiện vật, khi chia bằng hiện vật sẽ ảnh hưởng đến công trình của ông T1 và ông D1 thì ông Dương Văn D2 sẽ thanh toán hai lần giá trị công

trình (theo định giá) của ông T1 và ông D1 cộng thêm cho ông T1, ông D1 mỗi ông 10.000.000đồng. Còn ông Dương Văn T1 và ông Dương Việt D1 sẽ tự nguyện tháo dỡ công trình trên đất để trả đất được chia cho các đồng thừa kế. Cụ thể ông Dương Văn D2 phải thanh toán giá trị công trình cho: Ông T1 là $2 \times 101.918.000\text{đồng} + 10.000.000\text{đồng} = 213.836.000\text{đồng}$; ông D1 là $2 \times 64.676.000\text{đồng} + 10.000.000\text{đồng} = 139.352.000\text{đồng}$. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện không trái đạo đức và pháp luật nên cần chấp nhận sự thỏa thuận trên.

Kỷ phần của mỗi người được hưởng là $457,6\text{m}^2/8 = 57,2\text{m}^2$ (trong đó 25m^2 đất thổ cư, $32,2\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm), do ông T1 và ông D1 là người quản lý di sản nên mỗi ông được hưởng thêm $1/2$ kỷ phần trên là $28,6\text{m}^2$ (trong đó $12,5\text{m}^2$ đất thổ cư, $16,1\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm).

Đối với phần di sản ông Dương Minh Đ1 và ông Dương Văn H1 được hưởng thì hai ông tự nguyện để lại cho ông Dương Văn D2; phần di sản của bà Dương Thị T2 được hưởng để lại cho ông Dương Việt D1 và không yêu cầu bên được cho phải thanh toán giá trị tương ứng. Việc để lại cho ông D2 và ông D1 của ông Dương Minh Đ1, cho ông Dương Văn H1 của bà Dương Thị T2 là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

Đối với phần di sản của bà Dương Thị T1 được hưởng, do hiện nay không xác định được địa chỉ cụ thể của bà T1, các đương sự cũng đề nghị tạm giao cho ông Dương Văn T1 quản lý. Hiện nay ông T1 vẫn đang quản lý một phần di sản nên cần tạm giao phần di sản bà T1 được nhận cho ông T1 quản lý. Cấp sơ thẩm chưa chia cụ thể phần đất ông T1 được chia và phần đất ông T1 được tạm giao nên cấp phúc thẩm sẽ chia và xác định cụ thể phần đất ông T1 được chia và được tạm giao.

Trong quá trình giải quyết vụ án cấp phúc thẩm tiến hành thẩm định lại thửa đất thì trên phần đất ông Dương Việt D1 đang quản lý có 02 cây sưa, nhưng cấp sơ thẩm không thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm ông D1 không đề nghị giải quyết đối với 02 cây sưa trên và có quan điểm khi chia đất mà 02 cây sưa trên nằm trên đất của ai thì để cho người đó và ông không đề nghị thanh toán giá trị. Việc đề nghị của ông D1 là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4]. Căn cứ vào nhu cầu và hiện trạng thực tế thì chia thửa đất như sau:

Chia cho ông Dương Văn D2 được quản lý, sử dụng: $3 \times 57,2\text{m}^2 = 171,6\text{m}^2$ (trong đó 75m^2 đất thổ cư, $96,6\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm);

Chia cho ông Dương Văn T1 được quản lý, sử dụng: $57,2\text{m}^2 + 57,2\text{m}^2/2 = 85,8\text{m}^2$ (trong đó $37,5\text{m}^2$ đất thổ cư, $48,3\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm) và cây cối trên đất;

Tạm giao cho ông Dương Văn T1 quản lý đối với phần đất bà T1 được hưởng là: $57,2\text{m}^2$ (trong đó 25m^2 đất thổ cư, $32,2\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm);

Chia cho ông Dương Việt D1 được quản lý sử dụng: $2 \times 57,2\text{m}^2 + 57,2\text{m}^2/2 = 143\text{m}^2$ (trong đó $62,5\text{m}^2$ đất thổ cư, $80,5\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm);

[5]. Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định tại cấp phúc thẩm hết 5.000.000 đồng, ông Dương Văn D2 tự nguyện chịu toàn bộ và không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Dương Minh Đ1, ông Dương Văn H1, ông Dương Văn D2, ông Dương Văn T1 và bà Dương Thị T2 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Dương Việt D1 được chia di sản có giá trị là: $(57,2\text{m}^2 + 57,2\text{m}^2/2) \times 5.000.000\text{đồng} = 429.000.000\text{ đồng}$ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm = $20.000.000\text{ đồng} + 4\% \times (429.000.000\text{ đồng} - 400.000.000\text{đồng}) = 21.160.000\text{ đồng}$.

Cấp sơ thẩm quyết định bà Dương Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng vì không xác định được địa chỉ của bà T1 nên sau này sẽ khó khăn trong quá trình thi hành án. Hơn nữa đối với phần di sản của bà T1 được chia, hiện nay tạm giao cho ông Dương Văn T1 quản lý nên án phí dân sự sơ thẩm bà T1 không phải chịu.

[7]. Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa một phần Bản án sơ thẩm

[8]. Do sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Minh Đ1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn D2, ông Dương Văn H1.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2023/DS-ST ngày 19/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ các Điều 357, 609, 611, 612, 613, 616, 618, 649, 650, 651, 660, 623, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Minh Đ1 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

- Chia cho ông Dương Văn D2 được quản lý, sử dụng: $S4 = 171,6\text{m}^2$ đất (trong đó 75m^2 đất thổ cư, $96,6\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm);

- Chia cho ông Dương Văn T1 được quản lý, sử dụng: $S2 = 85,8\text{m}^2$ đất (trong đó $37,5\text{m}^2$ đất thổ cư, $48,3\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm) và cây cối trên đất;

- Tạm giao cho ông Dương Văn T1 quản lý đối với phần đất bà T1 được chia là: S3 = 57,2m² đất (trong đó 25m² đất thổ cư, 32,2m² đất trồng cây hàng năm);

- Chia cho ông Dương Việt D1 được quản lý, sử dụng: S1 = 143m² đất (trong đó 62,5m² đất thổ cư, 80,5m² đất trồng cây hàng năm);

- Ông Dương Văn T1, ông Dương Việt D1 tự nguyện tháo dỡ, di dời các công trình xây dựng trên phần diện tích đất mà các đồng thừa kế được chia do hai ông đang quản lý. Trường hợp không tự nguyện tháo dỡ sẽ bị cưỡng chế theo quy định và phải chịu toàn bộ chi phí cho việc cưỡng chế.

(Có sơ đồ kèm theo).

2. Buộc ông Dương Văn D2 phải thanh toán giá trị công trình cho: Ông Dương Văn T1 là 213.836.000đồng, ông Dương Việt D1 là 139.352.000 đồng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí:

- Ông Dương Minh Đ1, ông Dương Văn D2, ông Dương Văn T1, ông Dương Văn H1, bà Dương Thị T2, được miễn án phí dân sự sơ thẩm; bà Dương Thị T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông Dương Việt D1 phải chịu 21.160.000đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Ông Dương Minh Đ1, ông Dương Văn D2, Dương Văn H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Yên Lạc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa